

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ GIẢI PHÁP FIVE STARS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ GIẢI PHÁP FIVE STARS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FIVE STARS SERVICES AND SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FIVE STARS SERVICES & SOLUTION.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110656651

3. Ngày thành lập: 20/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 4, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0928291222

Fax:

Email: Fivestars202468@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá hàng hóa)	4610
3.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ nông sản và động vật Nhà nước cấm kinh doanh)	4620
4.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
5.	Bán buôn thực phẩm	4632
6.	Bán buôn đồ uống	4633
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết : - Kinh doanh vật tư, hóa chất phòng chống các loại sinh vật gây hại (ruồi, muỗi, kiến, gián, mối, mọt, chuột), sản phẩm vệ sinh môi trường thuốc bảo vệ nông, lâm sản; - Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc phòng chống mối, mọt, thuốc khử trùng; Bán buôn thuốc diệt muỗi, côn trùng (Theo Luật Hóa chất số 06/2007/QH12, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, Nghị định số 91/2016/NĐ-CP)	4669(Chính)
13.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây hàng năm	0119
14.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Trồng cây hàng năm	0129
15.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

17.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: -Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình; - Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng; - Thiết kế hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật gồm công trình giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Giám sát thi công xây dựng công trình; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn, đánh giá hồ sơ dự thầu; - Lập hồ sơ mời thầu; Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu -Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Hoạt động đo đạc và bản đồ: lập bản đồ địa chất, tư vấn trắc địa, tư vấn địa chất công trình; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Khảo sát địa chất công trình; khảo sát trắc địa; Khảo sát địa chất thủy văn; Khảo sát địa hình; - Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 220KV; - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình và tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 220KV; - Tư vấn quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng đô thị, các dịch vụ hỗ trợ xây dựng; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; - Điều tra khảo sát, thiết kế lập dự toán phòng chống mối, sinh vật hại. - Thẩm định, thẩm tra thiết kế lập dự toán phòng chống mối, sinh vật hại. - Giám sát thi công phòng chống mối (Theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Điện lực số 28/2004/QH 11, sửa đổi năm 2012, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14)	7110
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
19.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn , thi công xử lý diệt và phòng mối cho các công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp, công trình thủy lợi (đê, đập), công trình thủy điện, các di tích và các loại cây; Dịch vụ phòng trừ và kiểm soát các sinh vật hại: ruồi, muỗi, kiến, gián, mối , mọt, chuột...và các sinh vật có hại khác; (Theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP)	7490
20.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
21.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
22.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050

25.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
26.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
27.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
28.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
29.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
30.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
31.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
32.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Vệ sinh cho tất cả các công trình, dịch vụ vệ sinh khu nhà; Dịch vụ tẩy uế diệt trùng (Không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng); diệt khuẩn bằng chế phẩm (Theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP)	8129
37.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
38.	Xây dựng nhà để ở	4101
39.	Xây dựng nhà không để ở	4102
40.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
41.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
42.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
44.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu, súng, đạn, tem, tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN CHIỀU	Thôn Yên Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.000	220.000.000	22,000	0010880301 80	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	22.000	220.000.000	22,000		
2	NGUYỄN THỊ HẰNG	Thôn Bồng Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	21.000	210.000.000	21,000	0011880262 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	21.000	210.000.000	21,000		

3	TRẦN XUÂN THÀNH	Tổ 8, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	21.000	210.000.000	21,000	0380900221 77	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	21.000	210.000.000	21,000		
4	HOÀNG LỢI	Thôn Bồng Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	0010880291 36	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000		
5	LƯU VĂN TRƯỜNG	Thôn 4, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	21.000	210.000.000	21,000	0010870036 32	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	21.000	210.000.000	21,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: **TRẦN XUÂN THÀNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/05/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038090022177

Ngày cấp: 08/09/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 8, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội